

Số: 02/TB-CTBĐ

Gia Lai, ngày 15 tháng 4 năm 2026

*“Về việc công bố năng lực hoạt
động thí nghiệm chuyên ngành
xây dựng”*

**THÔNG BÁO
(CÔNG BỐ THÔNG TIN NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG)**

Kính gửi: - Sở xây dựng tỉnh Gia Lai;
- Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Thực hiện theo Văn bản số 2153/SXD-QLXD ngày 26/03/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện việc công bố thông tin của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo quy định tại Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ, nhằm đảm bảo thông tin đầy đủ, chính xác và minh bạch, Công ty TNHH Kỹ thuật xây dựng Bình Định Thông báo công khai thông tin trong lĩnh vực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các nội dung như sau:

1. Thông tin tổ chức:

- Công ty TNHH Kỹ thuật xây dựng Bình Định;
- Địa chỉ: 231/40 Tây Sơn, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai;
- Mã số thuế: 4101315902;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4101315902, lần đầu ngày 22/02/2012; Thay đổi lần thứ 11 ngày 13/01/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp;

Thay đổi lần lần thứ 12 ngày 18/07/25 do Sở Tài Chính tỉnh Gia Lai - Phòng Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể cấp.

- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng và Kiểm định công trình, LASXD 1749;

- Địa chỉ PTN: 461/37 Tây Sơn, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai;

- Đại diện pháp luật:

+ Ông Nguyễn Nhật Lai – Chủ tịch HĐQTV;

+ Ông Lê Tuấn Quý – Giám đốc;

- Email: congyktxdbinhdinhh@gmail.com;

- Website: <https://ktxdbinhdinhh.vn>

2. Thông tin Phòng thí nghiệm VLXD và kiểm định công trình, LASXD 1749

- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng và Kiểm định công trình, LASXD 1749;

- Địa chỉ PTN: 461/37 Tây Sơn, Phường Quy Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai;

- Trưởng phòng thí nghiệm: Nguyễn Ngọc Danh;

- Điện thoại: 0914285036;

- Email: lasxd1749@gmail.com;

- Website: <https://ktxdbinhdinhh.vn/lasxd1749/>

3. Danh sách nhân sự

TT	Họ và tên	Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm viên	Công việc thực hiện	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Danh	- KS. Xây dựng - Chứng nhận: Xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025:2017. - Chứng chỉ: Thí nghiệm các tính chất cơ lý Bê tông và vật liệu xây dựng. - Chứng chỉ: Thử nghiệm cơ lý vật liệu kim loại. - Chứng chỉ: Kiểm tra siêu âm bậc II; (UT II)	Quản lý kỹ thuật – Trưởng phòng thí nghiệm LASXD1749	
2	Trần Thị Minh Nguyệt	- Cao đẳng vật liệu và cấu kiện xây dựng - Chứng chỉ: Thí nghiệm hiện trường, kiểm tra tính chất hoá học của nước cho xây dựng.	Thí nghiệm viên	

TT	Họ và tên	Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm viên	Công việc thực hiện	Ghi chú
3	Trương Khánh Lập	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng nghề thí nghiệm kiểm tra chất lượng đường ô tô - Chứng chỉ: Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn sức chịu tải của cọc. - Bằng nghề: Thí nghiệm kiểm tra chất lượng đường ô tô. - Giấy chứng nhận: Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động. 	Thí nghiệm viên	
4	Lê Thanh Lâm	<ul style="list-style-type: none"> - Cao đẳng xây dựng dân dụng và công nghiệp - Chứng chỉ: Thí nghiệm viên phương pháp xác định tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường. - Chứng chỉ: Thí nghiệm viên phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông và vật liệu xây dựng. - Chứng chỉ: Thí nghiệm viên hiện trường, kiểm tra điện trở An toàn của hệ thống chống sét. 	Thí nghiệm viên	
5	Văn Tiên Anh	Chứng chỉ: Thí nghiệm Vật liệu công trình giao thông.	Thí nghiệm viên	

4. Danh mục các chỉ tiêu công bố của PTN

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
XI MĂNG		
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng, bề mặt riêng (tỷ diện); Xi măng sunfat	TCVN 4030:2003
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
4	Xác định độ nở Sunfat	TCVN 6068:2004; ASTM C452
CÓT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA		
5	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06; ASTM C136:06; AASTHO T27-11
6	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06; ASTM C127, C128
7	Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06; ASTM C127:12
8	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06; ASTM C29:09
9	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:06; ASTM C566-97

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
10	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06; ASTM C142-10
11	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06; ASTM C40-11
12	XĐ cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06; ASTM D2938:95
13	Xác định độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
14	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06; ASTM C131, C535; AASHTO T96:02
15	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06; AASHTO T335-09
16	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic cho bê tông và vữa	TCVN 7572-14:2006, ASTM C 1142-04a, C 1218-99, C227-03, C88
17	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572- 17:06
18	Xác định hàm lượng bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06
19	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06
20	PP xác định góc dốc tự nhiên của cát	TCVN 8724:12; ASTM D1883-99
21	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419-91
22	Hàm lượng hạt lọt qua sàng có kích thước lỗ sàng 75 µm	TCVN 9205:2012
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
23	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022
24	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106: 2022
25	Thử độ cứng Vebe	TCVN 3107: 2022
26	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108: 2022
27	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109: 2022
28	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110: 2022
29	Xác định hàm lượng bột khí	TCVN 3111: 2022
30	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112: 2022
31	Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 2022
32	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114: 2022
33	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115: 2022
34	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116: 2022
35	Thử độ co	TCVN 3117: 2022
36	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118: 2022
37	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119: 2022
38	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120: 2022
39	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:12
40	Xác định cường độ lãg trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:93
41	Xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011
42	Đánh giá cường độ bê tông trên cấu kiện hoặc kết	TCXDVN 239:2006

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
	cầu công trình	
43	Bê tông tự lèn: Xác định độ chảy loang ; Xác định thời gian chảy qua phễu V ; Xác định khả năng chảy qua hộp L ; Xác định khả năng chảy qua vòng J ; Xác định chống phân tầng theo phương pháp sàng	TCVN 12209 : 2018
PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA		
44	Phụ gia hóa học cho vữa và bê tông xác định: Độ pH; Tỷ trọng; Hàm lượng chất khô (tro)	TCVN 8826:2011
THÍ NGHIỆM KIM LOẠI VÀ MỐI HÀN		
45	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; (ISO 6892:2009)
46	Thử uốn	TCVN 198:2008; (ISO 7438:2005)
47	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử uốn	TCVN 5401:2010
48	Kiểm tra chất lượng hàn ống-Thử nén dẹt	TCVN 5402:2010
49	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:1991
50	Thử kéo bu lông neo, bu lông, vít, đai ốc	TCVN 1916:1995; ASTM F606; ASTM A370
51	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:10
52	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:10
53	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2018
54	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp thâm thấu	TCVN 4617-4:2018 (ISO 3452:1998)
55	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp hạt từ	TCVN 4396:2018; (ISO 9934:2015)
56	Xác định chiều dày lớp phủ sơn	TCVN 2095:1993
57	Xác định chiều dày mạ kẽm nóng	TCVN 5408:2007; ISO 01461:1999
58	Thử uốn thép gai	TCVN 6287:1997
59	Thử kéo mối nối ống ren thép cốt bê tông	TCVN 8163:2009; ISO 15835-2:2009
60	Thử kéo cáp dự ứng lực	TCVN 10952:2015
61	Thí nghiệm cơ lý Nhôm: Xác định độ bền kéo, độ giãn dài tương đối	TCXDVN 330:04; TCVN 12513-2:18
62	Thử nghiệm hệ số xiết bulong cường độ cao	JIS B1186:95
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
63	Xác định thành phần hạt	TCVN 4194:2012
64	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; ASTM D854:00
65	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216:10
66	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89,T90
67	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; ASTM C136-06; AASHTO T27, T88
68	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:2012; ASTM D3090:98

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
69	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
70	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; 22TCN 333:2006; TCVN 12790:2020; ASTM D1557:02; AASHTO T99,180
71	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D2937:71
72	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020; TCVN 8821:2011; AASHTO T193
73	Xác định hệ số thấm K của đất	TCVN 8723:2012; AASHTO-T49 ASTM D2434-00
74	Xác định đặt trung tan rã của đất	TCVN 8718:2012
75	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
76	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012
77	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012
78	Gia cố đất bằng chất kết dính: Cường độ kháng ép	TCVN10379:2014
79	Gia cố đất bằng chất kết dính xác định: Độ bền chịu ép chế	TCVN 8862:2011
80	Gia cố đất bằng chất kết dính xác định: Modun đàn hồi	TCVN 9843:2013
81	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	TCVN 8868:2011
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
82	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22TCN 02:71; TCVN 8730:12 AASHTO T204:90; TCVN 12791:2020
83	Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rớt cát	22TCN 346:06; TCVN 8730:12; ASTM D1556:00
84	Xác định môđun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:12
85	Xác định môđun đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11
86	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng càn Ben kelman	TCVN 8867:11; ASTM D4695:96; AASHTO T256:77
87	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11; ASTM E965:96
88	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11; ASTM E950:98
89	Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:2012
90	Thí nghiệm nén tĩnh cọc bê tông cốt thép	TCVN 9393 : 2012
91	Xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2012
92	Đo chuyển vị ngang công trình	TCVN 9364:2012
93	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429:92
94	Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu	TCVN 9335:2012

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
	âm và súng bật nảy	
95	Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012; EN 12504
96	Xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
97	Kiểm tra khả năng ăn mòn của cốt thép	TCVN 9348:2012
98	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
99	Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:12
100	Cọc khoan nhồi - Xác định tính đồng nhất của bê tông - Phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012
101	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012
102	Xác định độ chặt của đất bằng xuyên vít	ASTM D2573-08
103	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
104	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hồ đào, hồ khoan	TCVN 8731:2012
105	Xác định cường độ kéo nhỏ giữa cốt thép, bulong và bê tông	TCVN 9490:2012; ASTM C900-06; ASTM E488:95
106	Kiểm tra không phá hoại xác định chiều rộng vết nứt bê tông bằng kính lúp	TCVN 5879:2009
107	Ống bê tông cốt thép: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, độ vuông góc của ống, khả năng chịu tải, mối liên kết, cường độ bê tông, độ thấm nước	TCVN 9113:2012 ASTM C76
108	Cống hộp: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, sai lệch kích thước, chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép, độ vuông góc của ống, khả năng chịu tải, mối liên kết, cường độ bê tông, độ thấm nước	TCVN 9116:2012, ASTM C76
109	Mương bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn: Xác định kích thước và mức sai lệch kích thước; Kiểm tra ngoại quan và các khuyết tật; khả năng chống thấm nước; cường độ bê tông; Xác định khả năng chịu tải	TCVN 6394:2014
110	Hồ ga thu nước mưa và hồ ngăn mùi: Xác định kích thước và mức sai lệch kích thước; Xác định ngoại quan và khuyết tật; Xác định cường độ bê tông; Xác định khả năng chống thấm nước; Xác định khả năng chịu tải	TCVN 10333-1:2014
111	Giếng thăm hình hộp: Xác định kích thước và mức sai lệch kích thước; Kiểm tra ngoại quan và các khuyết tật; Xác định khả năng chống thấm nước; Xác định cường độ bê tông; Xác định khả năng chịu tải	TCVN 10333-2:2014
112	Kiểm tra sai lệch kích thước và khả năng chịu tải của nắp hồ ga và song chắn rác	BS EN 124:2015 TCVN 10333-3:2014
113	Hào kỹ thuật bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn: Lấy mẫu: Xác định kích thước và mức sai lệch kích	TCVN 10332:2014

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
	thước; Xác định ngoại quan và khuyết tật; cường độ bê tông; Xác định khả năng chống thấm nước; Xác định khả năng chịu tải	
114	Kênh bê tông đúc sẵn: Khả năng chịu tải; độ võng; vết nứt; Khả năng thấm nước	TCVN 11362:2016
115	Thử cọc BTCT dự ứng lực: kiểm tra kích thước hình học; ngoại quan; độ bền uốn nứt; uốn gãy; bền cắt; mối nối; uốn dọc trục	TCVN 7888:2014 JIS A 5373:2016
116	Kiểm tra sai lệch kích thước và khả năng chịu tải của Bó via bê tông đúc sẵn	TCVN 10797:2015
117	Gói công bê tông đúc sẵn : Kiểm tra sai lệch kích thước và khả năng chịu tải của	TCVN 10799:2015
118	Bentonite, xác định: khối lượng riêng, Độ nhớt, Hàm lượng cát, Tỷ lệ chất keo, Lượng mất nước, Độ dày áo của sét, Độ pH, Độ ổn định, Lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017
GÓI CẦU CAO SU, KHE CO GIÃN, RON CAO SU, BĂNG CHẶN NƯỚC		
119	Độ cứng shore A	TCVN 1595-1:2007
120	Mô đun trượt; Cường độ chịu kéo; Độ dẫn dài	TCVN 4509:2006
121	Cường độ kết dính; Biến dạng nén dư	TCVN 4687:1989
122	Băng chặn nước, băng chống thấm đàn hồi xác định: Sai lệch kích thước	TCVN 7756-2:2007
123	Băng chặn nước, băng chống thấm đàn hồi xác định: Khối lượng riêng	TCVN 4866:2007
THỬ NGHIỆM MÀNG, TẤM TRẢI CHỐNG THẤM		
124	Xác định độ kéo, độ dẫn dài	ASTM D6693; EN 12311
125	Xác định tỷ trọng	ASTM D1505
126	Xác định cường độ xé rách	ASTM D1004
127	Xác định cường độ kháng xuyên thủng	ASTM D4833
128	Xác định độ dày	ASTM D5199
129	Xác định tải trọng kéo đứt và độ dẫn dài khi đứt	TCVN 9067-1:2012
130	Xác định Độ bền chọc thủng động	TCVN 9067-2:2012
131	Xác định độ thấm nước dưới áp suất thủy tĩnh	TCVN 9067-4:2012; ASTM D5385 ASTM E96; EN 1928
THỬ NGHIỆM ỐNG VÀ PHỤ KIỆN		
132	Xác định độ bền kéo và độ dẫn dài	TCVN 7434:2004; TCVN 9066-1:2012
133	Xác định kích thước	TCVN 6145:2007; ISO 3126
134	Xác định độ bền va đập bên ngoài, độ cứng	TCVN 6144:2003
135	Xác định độ bền nhiệt	TCVN 9066-3:2012; TCVN 9067-3:2012
136	Thử áp lực ống	TCVN 4519:1988; TCVN 4292:1986
137	Ống nhựa gân xoắn HDPE xác định: Kích thước và sai lệch; độ bền của ống trong môi trường hóa chất, độ biến dạng hình học và áp lực nén ngoài của ống; Áp lực trong của ống.	TCVN 9070:2012

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC		
138	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011; AASHTO T26-79
139	Xác định hàm lượng clorua(Cl)	TCVN 6194:1996; ASTM D512:04
140	Xác định hàm lượng Sunfat(SO ₄ ⁻²)	TCVN 6200:1996; ASTM D516:102
141	Xác định lượng muối hòa tan; Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
142	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:1988
THỬ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG		
143	Kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219:2018
144	Kính hộp gắn kính cách nhiệt: Xác định khuyết tật ngoại quan, kích thước	TCVN 8260:2009
145	Xác định ứng suất bề mặt	TCVN 8261:2009
146	Kính phủ phản quang: xác định kích thước; khuyết tật ngoại quan; Độ bền mài mòn	TCVN 7528:2005
147	Kính phẳng tôi nhiệt xác định: Kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ cong vênh; Ứng suất bề mặt của kính; Độ bền va đập bị rơi; Độ bền va đập con lắc.	TCVN 7455:2013
148	Kính dán dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp xác định: Sai lệch kích thước; Khuyết tật ngoại quan	TCVN 7364:2004
149	Kính dán dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp xác định: Thử độ bền; Thử độ va đập bị rơi, con lắc	TCVN 7368:2013
XÁC ĐỊNH CÁC TÍNH CHẤT CỦA SƠN		
150	Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9406:2012
151	Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo xác định: Màu sắc; Thời gian khô; Độ bền nhiệt; Hàm lượng hạt thủy tinh; Độ chống trượt; Độ phản quang; Nhiệt độ hóa mềm; Độ mài mòn; Độ kháng cháy; khối lượng riêng; Độ dính bám	TCVN 8791:2011 ASTM D6628
152	Sơn vạch đường hệ dung môi và hệ nước xác định: Độ mịn; Độ Nhớt; Màu sắc; Độ phát sáng; Độ dính bám ; Độ chống loang màu; Độ mài mòn	TCVN 8786:2018; ASTM D4541
SƠN TƯỜNG DẠNG NHỮ TƯƠNG		
153	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính thi công, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn; xác định độ bền nước; xác định độ bền kiềm; xác định độ rửa trôi; xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8653:2012
154	Xác định thời gian khô	TCVN 2096:2012
155	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2012
156	Xác định độ bám dính	TCVN 2097:2012
157	Xác định độ phủ	TCVN 2095:2012

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
158	Xác định độ thấm nước	TCVN 8652:2012
GẠCH XÂY, GẠCH LÁT NỀN, GẠCH ỐP LÁT, NGÓI LỘP		
159	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09
160	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:09
161	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:09
162	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09
163	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09
164	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09
165	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:09
166	Gạch xi măng lát nền xác định: khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, lực va đập xung kích; tải trọng uốn gãy toàn viên; độ cứng lớp mặt; độ mài mòn lớp mặt	TCVN 6065:95
167	Ngói lợp: Xác định tải trọng uốn gãy; Xác định độ hút nước; Xác định thời gian xuyên nước;	TCVN 4313:1995
168	Gạch bê tông tự chèn: Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Độ mài mòn	TCVN 6476:1999
169	Gạch bê tông: Xác định kích thước màu sắc và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ rỗng; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Độ thấm nước	TCVN 6477:2016
170	Gạch Tezaro: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; Xác định độ hút nước bề mặt; Xác định độ chịu mài mòn; Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013
GẠCH ỐP LÁT, GẠCH GRANIT, ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN VÀ NHÂN TẠO		
171	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016
172	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016
173	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016
174	Xác định độ bền mài mòn sâu với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016
175	Xác định độ bền mài mòn sâu với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016
176	Xác định cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2016
GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP VÀ BÊ TÔNG KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP		
177	Xác định hình dạng, sai lệch kích thước và khuyết tật ngoại quan, xác định khối lượng thể tích khô, xác định cường độ nén, xác định độ co khô, xác định độ hút nước	TCVN 9030:2017
NHỰ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GỐC AXIT, NHỰA ĐƯỜNG POLIME		
178	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:11
179	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:11
180	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:11
181	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:11

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
182	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:11
183	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:11
184	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8817-9:11
185	Xác định độ bay hơi	TCVN 8817-10:11
186	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tích nhanh	TCVN 8817-11:11
187	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tích nhanh	TCVN 8817-12:11
188	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:11
189	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:11
190	Xác định độ bám dính với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:11
	NHỰA ĐƯỜNG LỎNG	
191	Thử nghiệm xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
192	Thử nghiệm xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
193	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8818-4:2011
194	Thử nghiệm xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-5:2011
	NHỰA BITUM	
195	Xác định độ kim lún theo PLII -TT27/BGTVT	TCVN 7495:05
196	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05
197	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05
198	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; TCVN 8818-2:11
199	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:05
200	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:05
201	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:05
202	Xác định độ nhớt động học, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:05
203	Xác định hàm lượng paraphin bằng phương pháp chung cát	TCVN 7503:05
204	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:05
	BÊ TÔNG NHỰA	
205	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11
206	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:11
207	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11
208	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11
209	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11
210	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
211	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
212	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11
213	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
214	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
215	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
216	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
217	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:11
THỬ CƠ LÝ VL BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA		
218	Xác định: Hình dáng bên ngoài; thành phần hạt; hàm lượng mất khi nung; hàm lượng nước; khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng; hệ số hao nước; hàm lượng chất hòa tan trong nước	22TCN 58:1984 TCVN 7572-2:2006 AASHTO T11
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		
219	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
220	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 2022
221	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 2022
222	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8: 2022
223	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-09: 2022
224	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10: 2022
225	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11: 2022
226	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN 3121-12: 2022
227	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18: 2022
228	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co, xác định: độ chảy, thay đổi chiều dài vữa đã đông rắn, chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết, độ tách nước, cường độ chịu nén	TCVN 9204:2012; ASTM C939-10; EN 445:07; ASTM C157:08; ASTM C827-10; ASTM C940-10A
229	Vữa chèn cấp dự ứng lực: Xác định lượng vón cục, độ chảy, độ chảy lan toả, độ tách nước, thay đổi thể tích, thời gian đông kết, cường độ nén	TCVN 11971:2018; BS EN 447-2007
THỬ NGHIỆM THẠCH CAO, BỘT BẢ		
230	Xác định độ cứng thạch cao; Xác định cường độ nén; Xác định độ biến dạng; Xác định độ hút nước	TCVN 8256:2009
231	Bột bả xác định: Độ mịn; Thời gian đông kết; Độ giữ nước; Độ cứng bề mặt; Cường độ dính bám	TCVN 7239:2014
CỘT ĐIỆN BÊ TÔNG CỐT THÉP LY TÂM		
232	Xác định kích thước, mức sai lệch cho phép; kiểm tra ngoại quan và khuyết tật, khả năng chịu tải	TCVN 5847:2016; JIS A5309:1995
VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BẮC THẨM, VỎ BỌC BẮC THẨM		
233	Xác định độ dày	TCVN 8220:2009; ASTM D5199:12; ASTM D1777:96(2015)
234	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009; ASTM D3776:17;

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
		ASTM D5261:10
235	Xác định khả năng thoát nước của bắc thấm, vải địa kỹ thuật	TCVN 8483:2010; ASTM D4716:14; ISO 12958:2010
236	Xác định khả năng chống rơi côn	TCVN 8484:2010; BS 6906:1989; ISO 13433:2006
237	Xác định lực kéo đứt; độ giãn dài của vải địa, bắc thấm	TCVN 8485:2010; ASTM D4595; ISO 10319:2015; ASTM D6637
238	Kích thước lỗ vải (sàng ướn)	TCVN 8486:2010; ISO:12956:2010
239	Xác định hệ số thấm của vải	TCVN 8487:2010; ASTM D4491:17; ISO 11058:2010
240	Xác định cường độ chịu kéo giặt, độ giãn dài của vải địa, bắc thấm	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4632 - 15a; ASTM D5034 - 09(2017)
241	Xác định cường độ chịu xé hình thang của vải	TCVN 8871-2:2011; ASTM D4533
242	Xác định khả năng chống xuyên thủng CBR của vải	TCVN 8871-3:2011; ASTM D6241; ISO 12236:2006
243	Xác định khả năng chống đâm thủng thanh.	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833
244	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011; ASTM D3786

5. Danh mục, tình trạng trang thiết bị thí nghiệm

5.1. Thiết bị đo lường

ST T	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Chu kỳ kiểm định hiệu chuẩn	Thời gian kiểm định lần cuối	Ghi chú
1	Máy thử độ bền kéo – nén -uôn	(0-1000) KN	1 năm	Tháng 10/2025	
2	Cảm biến lực	50KN	1 năm	Tháng 10/2025	
3	Thiết bị đo hóa mền nhựa đường	DF-12/125°C	1 năm	Tháng 10/2025	
4	Thiết bị đo kim lún nhựa đường	IV2000	1 năm	Tháng 10/2025	
5	Thiết bị đo độ giãn dài nhựa đường	SY-1,5 /1500mm	1 năm	Tháng 10/2025	
6	Thiết bị thử cường độ bê tông bằng phương pháp bật nảy	MATEST- (10-100)R	1 năm	Tháng 10/2025	
7	Máy nén Marshall	LWD-2-30kN	1 năm	Tháng 10/2025	
8	Bộ kích thủy lực và đồng hồ áp suất	320 KN	1 năm	Tháng 10/2025	
9	Máy thử nén vữa	TYA-300kN	1 năm	Tháng 10/2025	
10	Máy đo độ nhớt Saybolt nhựa đường	SYD-0621	1 năm	Tháng 10/2025	
11	Cân điện tử 6000g	DJ -6000TW	1 năm	Tháng 10/2025	
12	Cân điện tử 15kg	R21PE15	1 năm	Tháng 10/2025	
13	Cân điện tử 15kg	VIBRA TPS 15C	1 năm	Tháng 10/2025	
14	Cân điện tử 6000g	GS6201N	1 năm	Tháng 10/2025	
15	Cân điện tử 15kg	VIBRA TPS 15C	1 năm	Tháng 10/2025	
16	Máy thử độ bền nén	TYA 2000	1 năm	Tháng 10/2025	

ST T	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Chu kỳ kiểm định hiệu chuẩn	Thời gian kiểm định lần cuối	Ghi chú
17	Máy thử độ bền nén	TYE 2000	1 năm	Tháng 10/2025	
18	Kích thủy lực	N/A -320kN	1 năm	Tháng 10/2025	
19	Vòng lực máy cắt phẳng	N/A 1,2kN	1 năm	Tháng 10/2025	
20	Vòng lực máy CBR	50kN	1 năm	Tháng 10/2025	
21	Vòng lực thiết bị CBR (hiện trường)	30kN	1 năm	Tháng 10/2025	
22	Máy nén không nở hông	WG-1600kPa	1 năm	Tháng 10/2025	
23	Cân Benkelman	KD-20mm	1 năm	Tháng 10/2025	
24	Máy thử thấm BT	HS-4	1 năm	Tháng 10/2025	
25	Máy đo điện trở tiếp đất	4105A	1 năm	Tháng 10/2025	
26	Máy thử nén công 3 cạnh	TA-400kN	1 năm	Tháng 10/2025	
27	Máy đo độ dày lớp phủ	CM-1210A	1 năm	Tháng 10/2025	
28	Máy siêu âm bê tông	C369N	1 năm	Tháng 10/2025	

5.2. Trang thiết bị khác

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Số lượng	Tình trạng hoạt động	Ghi chú
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG:				
1	Bộ sàng lỗ tròn f200 thí nghiệm thành phần hạt của đất, xi măng - Trung Quốc	Cái	12	Bình thường	
2	Bộ sàng lỗ tròn f300 thí nghiệm thành phần hạt của cốt liệu - Trung Quốc.	Cái	12	Bình thường	
3	Bộ sàng lỗ vuông f300 thí nghiệm thành phần hạt của CPĐĐ và BTN - Trung Quốc.	Cái	18	Bình thường	
4	Tủ sấy. Model 101-2 - Trung Quốc. Dung tích: 136L.	Cái	2	Bình thường	
II	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG:				
1	Côn đo độ sụt bê tông lõi N1 - VN. Toàn bộ bằng Inox.	Bộ	1	Bình thường	
2	Khuôn đúc mẫu 15*15*15cm - TQ.	Cái	9	Bình thường	
3	Khuôn đúc mẫu d15 * h30cm - TQ.	Cái	9	Bình thường	
4	Khuôn đúc mẫu d15*h15cm - Việt Nam.	Cái	6	Bình thường	
5	Bộ giữ mẫu trên máy thử thấm - VN.	Bộ	1	Bình thường	
6	Tấm su nén mẫu hình trụ - Ý	Cái	1	Bình thường	
7	Chụp kim loại giữ tấm su - Việt Nam.	Cái	1	Bình thường	
III	THÍ NGHIỆM XI MĂNG - VỮA:				
1	Bộ kim vica - Trung Quốc.	Bộ	1	Bình thường	
2	Khuôn Le chatelier - Trung Quốc.	Cái	2	Bình thường	
3	Bình tỉ trọng xi măng - Trung Quốc	Cái	1	Bình thường	
4	Máy trộn xi măng. Model JJ-5 - Wuxi Jianyi - Trung Quốc. Nguồn: 220VAC.	Cái	1	Bình thường	
5	Máy dẫn tạo mẫu xi măng. Model ZS-15 - Wuxi Jianyi - Trung Quốc. Nguồn: 220V	Cái	1	Bình thường	

6	Khuôn 40*40*160mm - Trung Quốc	Cái	2	Bình thường	
7	Gá uốn mẫu 40*40*160mm - Trung Quốc.	Cái	1	Bình thường	
8	Gá nén mẫu 40*40mm - Trung Quốc.	Cái	1	Bình thường	
9	Bàn dẫn quay tay XD độ lưu động của vữa tươi - Việt Nam.	Cái	1	Bình thường	
10	Phễu XD độ chảy của vữa - Việt Nam.	Cái	1	Bình thường	
IV	THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU				
1	Máy xác định độ mài mòn Los Angeles. Model MH-II - Coshing - Trung Quốc.	Cái	1	Bình thường	
2	Thước kẹp cải tiến 150mm - Trung Quốc	Cái	1	Bình thường	
3	Côn chày hấp phụ - VN.	Bộ	1	Bình thường	
4	Bình tam giác 1000ml - Trung Quốc.	Cái	2	Bình thường	
5	Bộ thùng rửa cốt liệu - Việt Nam.	Bộ	1	Bình thường	
6	Bộ thùng đong XD KLTT xốp của cốt liệu - Việt Nam.	Bộ	1	Bình thường	
7	Dụng cụ chia mẫu 2 inches - Việt Nam.	Bộ	1	Bình thường	
8	Bộ phễu XD KLTT xốp của cốt liệu - VN	Bộ	1	Bình thường	
9	Khuôn nén đập xi lanh D150mm - VN	Bộ	1	Bình thường	
V	THÍ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG				
1	Bộ cassagrande xác định giới hạn chảy - Việt Nam.	Bộ	1	Bình thường	
2	Quả dọi vaxiliev. Model ZY-1 - Nanjing - Trung Quốc.	Bộ	1	Bình thường	
3	Tỉ trọng kế 151H và 152 H - EU	Cái	2	Bình thường	
4	Bình tỉ trọng 100ml - Trung Quốc	Cái	10	Bình thường	
5	Ống đong 1000ml - Trung Quốc	Cái	10	Bình thường	
6	Tấm kính nhám XD giới hạn chảy - VN	Tấm	1	Bình thường	
7	Hộp nhôm thí nghiệm độ ẩm - Trung Quốc.	Hộp	50	Bình thường	
8	Bộ khuôn CBR - VN	Bộ	3	Bình thường	
9	Đĩa phân cách - Việt Nam	Cái	1	Bình thường	
10	Đồng hồ chuyên vị - Trung Quốc.	Cái	4	Bình thường	
11	Bộ cối chày proctor tiêu chuẩn - VN.	Bộ	1	Bình thường	
12	Bộ cối chày proctor cải tiến - VN.	Bộ	1	Bình thường	
13	Dao vòng 30cm ² - Trung Quốc.	Cái	10	Bình thường	
14	Bình hút ẩm D300 - Trung Quốc.	Cái	1	Bình thường	
15	Dụng cụ XD hệ số thấm của đất. Model TST-55 - Nanjing Soil Instrument - TQ.	Cái	1	Bình thường	
16	Dụng cụ xác định độ trương nở của đất. Model WZ-2 - Nanjing Soil Instrument.	Cái	1	Bình thường	
17	Dụng cụ XD hệ số thấm của cát. Model TST-70 - Nanjing Soil Instrument - TQ.	Bộ	1	Bình thường	
18	Máy đầm nén tiêu chuẩn - CBR tự động - JZ-	Cái	1	Bình thường	

	2D-201034				
VI	THÍ NGHIỆM THÉP:				
1	Bộ ngàm kéo bu lông - Việt Nam.	Bộ	1	Bình thường	
VII	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG				
1	Máy khoan lấy mẫu bê tông. Model DK-10DS - DK - Hàn Quốc.	Cái	1	Bình thường	
2	Ống khoan kim cương d100mm Hàn Quốc.	Cái	1	Bình thường	
3	Phễu rót cát - Việt Nam.	Bộ	3	Bình thường	
4	Thước 3 mét - Trung Quốc.	Cái	1	Bình thường	
5	Bộ dao đai - Trung Quốc.	Bộ	2	Bình thường	
6	Cần Benkelman xác định Mô đun đàn hồi mặt đường - Việt Nam.	Cái	1	Bình thường	
7	Tấm ép cứng - Việt Nam.	Bộ	1	Bình thường	
VIII	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA				
1	Máy đầm MARSHALL tự động - XIYI Model: MZ-IJ	Bộ	1	Bình thường	
2	Thân khuôn marshall	Cái	1	Bình thường	
3	Bể ổn nhiệt marshall 32 lít - T-TECH.	Cái	1	Bình thường	
4	Khay nhôm 300x220x50	Cái	4	Bình thường	
5	Nhiệt kế thủy tinh 200C	Cái	3	Bình thường	
6	Bát sứ D80mm	Cái	5	Bình thường	
7	Máy ly tâm tách nhựa 3000g - T.TECH;	Cái	1	Bình thường	
8	Giấy lọc cho ly tâm 3000g, D330, loại dày, 100 tờ/hộp	Hộp	1	Bình thường	
9	Lò nung 1000C; Model: 4-10	Cái	1	Bình thường	
10	Ống đong thủy tinh 100ml	Cái	5	Bình thường	
11	Chén sứ chịu nhiệt 100ml	Cái	3	Bình thường	
12	Bộ dụng cụ xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa.	Bộ	1	Bình thường	
13	Bàn cân thủy tinh tiêu chuẩn - T.TECH	Bộ	1	Bình thường	
14	Rọ cân thủy tinh 200x200	Cái	1	Bình thường	
15	Bộ kim lún nhựa tự động LushiDa Model: IV2000	Bộ	1	Bình thường	
16	Thiết bị tổn thất khi nung - T.TECH	Cái	1	Bình thường	
17	Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa - Thương Hải Model: SYD-3536	Cái	1	Bình thường	
18	Bộ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát.	Bộ	1	Bình thường	

6. Hợp đồng, biên bản bàn giao, hóa đơn mua thiết bị hoặc các tài liệu chứng minh thiết bị được điều chuyển từ cơ quan khác đến:

- Hợp đồng kinh tế số: 028/17/HĐKT, ngày 17/10/2017 giữa Công ty TNHH Kỹ thuật xây dựng Bình Định với Công ty TNHH Thiết bị Đo lường APPATECH về việc

mua dụng cụ, thiết bị thí nghiệm;

- Hợp đồng kinh tế số: 1303/2019/HĐKT, ngày 13/03/2019 giữa Công ty TNHH Kỹ thuật xây dựng Bình Định với CN Công ty CP Tập đoàn công nghệ T-Tech Việt Nam tại Đà Nẵng về việc mua dụng cụ, thiết bị thí nghiệm;

- Hợp đồng kinh tế số: 1101/TA/HĐKT/2022, ngày 11/01/2022 giữa Công ty TNHH Kỹ thuật xây dựng Bình Định với Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật và sản xuất Trung Anh về việc mua dụng cụ, thiết bị thí nghiệm;

7. Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 17025:

Quyết định số 01/QĐBH-CTBD ngày 10/01/2021 của giám đốc Công ty TNHH Kỹ thuật xây dựng Bình Định về việc ban hành HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025: 2017.

8. Điều kiện môi trường làm việc của phòng thí nghiệm:

- Diện tích mặt bằng phòng, Trạm thí nghiệm hiện trường đáp ứng yêu cầu quy định (nơi đặt thiết bị thí nghiệm và thực hiện thử nghiệm);

- Vị trí lưu mẫu: Có.

- Ảnh hưởng của phòng thí nghiệm đến môi trường xung quanh (tiếng ồn, chấn động, mùi, bụi, nước thải, khói...): Không.

Công ty đã đăng tải công khai các tài liệu kỹ thuật nêu trên lên Website của công ty theo địa chỉ <https://ktxdbinhding.vn/lasxd1749/> .

Chúng tôi cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các Hồ sơ đề nghị đăng tải; đề nghị Sở xây dựng tỉnh Gia Lai tiến hành công bố thông tin theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.